

Số: /BC-UBND

Vĩnh Châu, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Tình hình thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2025

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

Thực hiện Quyết định số 3075/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương thị xã Vĩnh Châu năm 2025.

Trên cơ sở dự toán thu ngân sách trên địa bàn, chi ngân sách nhà nước đã được Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu thông qua. Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã tổ chức triển khai Nghị quyết và ban hành các Quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách cho các cơ quan ban, ngành, đoàn thể cấp thị xã và các xã, phường trên địa bàn thị xã. Kết quả thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2025, thị xã Vĩnh Châu cụ thể như sau:

1. Về thu ngân sách nhà nước

Tổng thu ngân sách nhà nước theo dự toán giao đầu năm 2025 của thị xã Vĩnh Châu là 868.690 triệu đồng, bổ sung dự toán thu ngân sách 6 tháng đầu năm là 211.624 triệu đồng, nâng tổng dự toán thu ngân sách nhà nước là 1.080.314 triệu đồng. Dự toán thu ngân sách tăng chủ yếu do tăng thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh thực hiện theo nhiệm vụ, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2025 là 39.514 triệu, đạt 50,08%, trong đó thu ngân sách thị xã hưởng theo phân cấp 32.519 triệu đồng, đạt 52,11% dự toán, chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm.

Tổng thu ngân sách thị xã Vĩnh Châu 6 tháng đầu năm 2025 là 753.585 triệu đồng đạt 69,76% so với dự toán, chi tiết kèm theo phụ lục 02 đính kèm.

2. Về chi ngân sách nhà nước

Tổng dự toán chi ngân sách nhà nước giao đầu năm 2025 của thị xã Vĩnh Châu là 868.690 triệu đồng, bổ sung dự toán chi ngân sách 6 tháng đầu năm là 211.624 triệu đồng, nâng tổng dự toán chi ngân sách nhà nước là 1.080.314 triệu đồng. Dự toán chi ngân sách nhà nước tăng chủ yếu do chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh thực hiện theo nhiệm vụ, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2025 là 626.257 triệu đồng, đạt 57,97% so với dự toán, chi tiết theo phụ lục 03 đính kèm.

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Ngay từ đầu năm Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã tập trung chỉ đạo công tác thu ngân sách; triển khai đồng bộ các giải pháp thu ngân sách theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Tổng cục Thuế. Qua đó, kết quả thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2025 đạt tiến độ kế hoạch đề ra, tuy nhiên kết quả thu ngân sách đạt thấp hơn so với cùng kỳ.

Quan tâm thực hiện tốt công tác tuyên truyền cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh về chính sách thuế, nghĩa vụ và quyền hạn của người nộp thuế. Đặc biệt, thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính thuế đã tạo thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân kinh doanh thực hiện các nghĩa vụ thuế.

2. Về chi ngân sách nhà nước

Dự toán năm 2025 đã thực hiện tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên, giữ lại ngân sách thị xã thực hiện cải cách tiền lương là 13.140 triệu đồng. Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu điều hành chi ngân sách trên cơ sở dự toán đã được Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu thông qua. Thực hiện đúng nguyên tắc cân đối dự toán đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức và bố trí nguồn dự phòng để đảm bảo các yêu cầu, nhiệm vụ chi cấp bách phát sinh ngoài dự toán để đảm bảo các yêu cầu, nhiệm vụ chi cấp thiết chưa lường hết trong dự toán đầu năm như: phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh,...

Các đơn vị sử dụng ngân sách đã chủ động sắp xếp các nhiệm vụ chi phù hợp gắn với yêu cầu, nhiệm vụ của đơn vị. Nhìn chung, về chi ngân sách 6 tháng đầu năm, các khoản chi được đảm bảo theo dự toán phân bổ, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước theo hướng thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đối với nhiệm vụ chi thực hiện các chính sách về an sinh xã hội được thực hiện chi trả kịp thời, công khai.

Chi đầu tư phát triển được bố trí, phân bổ vốn, đầu tư cho các dự án đảm bảo kịp thời; tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư ngân sách thị xã ước đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 đạt 52,8% kế hoạch vốn.

Trên đây là kết quả thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2025. Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu báo cáo kỳ họp thường lệ giữa năm 2025 Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu khóa XII, nhiệm kỳ 2021 - 2026./.

Nơi nhận:

- TT. Thị ủy;
- TT. HĐND thị xã;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Ban KT - XH HĐND thị xã;
- Đại biểu HĐND thị xã;
- Thành viên UBND thị xã;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Liêm

Phụ lục 01

Số liệu thu ngân sách trên địa bàn theo lĩnh vực 6 tháng đầu năm 2025

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu)*

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025		Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã	Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã	Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
Tổng thu NSNN		78.900	62.400	39.514	32.519	50,08	52,11
1	Thu từ khu vực ngoài Quốc doanh	17.000	17.000	9.856	9.850	57,98	57,94
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.000	3.000	2.980	2.980	99,33	99,33
-	Thuế giá trị gia tăng	14.000	14.000	6.870	6.870	49,07	49,07
-	Thuế tài nguyên			6			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt		-	5			
2	Thuế thu nhập cá nhân	13.000	13.000	5.890	5.890	45,31	45,31
3	Lệ phí trước bạ	13.900	13.900	8.359	8.359	60,14	60,14
4	Thu phí, lệ phí	4.000	1.300	1.017	336	25,43	25,82
5	Thu tiền sử dụng đất	26.000	15.600	12.357	7.414	47,53	47,53
6	Thu khác ngân sách	5.000	1.600	2.030	670	40,6	41,87

Phụ lục 02

Số liệu thu ngân sách nhà nước thị xã Vĩnh Châu 6 tháng đầu năm 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Thu NSNN (kể cả bổ sung)	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Tỷ lệ % dự toán giao đầu năm	Ghi chú
Tổng thu ngân sách nhà nước		1.080.314	753.585	69,76	
I	Thu ngân sách thị xã được hưởng theo phân cấp	62.400	32.519	52,11	
II	Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh	949.735	721.067	75,92	
1	Thu bổ sung cân đối	711.251	426.751	60,00	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	238.484	294.316	123,41	
III	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương	68.179		-	

Phụ lục 03**Số liệu chi ngân sách nhà nước thị xã Vĩnh Châu 6 tháng đầu năm 2025**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán chi giao đầu năm (kể cả bổ sung)	Thực hiện chi 6 tháng đầu năm 2025	Tỷ lệ % so với dự toán đầu năm	Ghi chú
Tổng chi ngân sách		1.080.314	626.257	57,97	
I	Chi đầu tư phát triển	51.407	34.276	66,68	
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	35.807	21.484	60,00	
2	Chi xây dựng CSHT bằng nguồn thu tiền sử dụng đất	15.600	12.792	82,00	
II	Chi thường xuyên	760.777	407.260	53,53	
1	Chi quốc phòng (trong đó kinh phí hỗ trợ 3 đồn biên phòng là 90 triệu đồng và hỗ trợ chi quốc phòng cho xã, phường 350 triệu đồng)	2.679	1.607	60,00	
2	Chi an ninh	446	268	60,09	
3	Chi sự nghiệp giáo dục	479.751	250.768	52,27	
4	Chi sự nghiệp đào tạo - dạy nghề	8.124	4.046	49,80	
-	Trung tâm Dạy nghề và giáo dục thường xuyên	3.942	2.365	59,99	
-	Trung tâm Chính trị (thuộc Văn phòng Thị ủy)	1.269	761	59,97	
-	Đào tạo cán bộ (trong đó văn phòng Thị ủy 800trđ)	1.200	720	60,00	
-	Đào tạo cán bộ HTX và cán bộ xã, phường	1.000	200	20,00	
-	Đào tạo khác	713	428	60,03	
5	Chi sự nghiệp y tế	2227	500	22,45	
6	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin - thể thao- Truyền Thanh (bao gồm kinh phí đối ứng thực hiện DA "Nâng cao hiệu quả SD máy tính và truy nhập Internet công cộng")	4.683	2.808	59,96	
-	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Truyền thanh	2.548	1.527	59,93	
-	Sự nghiệp văn hóa thông tin	900	540	60,00	
-	Sự nghiệp Thể dục thể thao	600	360	60,00	
-	Chi sự nghiệp Truyền thanh	635	381	60,00	
7	Đảm bảo xã hội	53.423	32.054	60,00	
8	Chi sự nghiệp kinh tế	44.359	29.749	67,06	
-	Sự nghiệp Nông - Lâm -Thủy Sản	600	200	33,33	

STT	Chỉ tiêu	Dự toán chi giao đầu năm (kể cả bổ sung)	Thực hiện chi 6 tháng đầu năm 2025	Tỷ lệ % so với dự toán đầu năm	Ghi chú
-	Sự nghiệp giao thông	7.000	4.250	60,71	
-	Sự nghiệp kinh tế khác	1.639	1.639	100,00	
-	Kinh phí quy hoạch	5.000	1.200	24,00	
-	Kinh phí lập kế hoạch sử dụng đất	800	300	37,50	
-	Duy tu sửa chữa lộ giao thông nông thôn do xã phường quản lý	1.000	1.000	100,00	
-	Kiến thiết đô thị	26.000	20.000	76,92	
-	Kinh phí bảo vệ đất trồng lúa	2.320	1.160	50,00	
9	Chi sự nghiệp môi trường	20.246	5.200	25,68	
10	Chi quản lý hành chính	50.560	28.019	55,42	
10.1	Chi cho khối Đảng	11.750	5.570	47,40	
-	Văn phòng Thị ủy	11.750	5.570	47,40	
10.2	Chi cho khối đoàn thể và các hội có tính chất đặc thù	7.098	4.117	58,01	
-	UBMT Tổ quốc (Trong đó: kinh phí hoạt động đặc thù: 90 triệu đồng)	1.364	818	60,00	
-	Thị đoàn	880	528	60,00	
-	Hội Liên hiệp Phụ nữ	1.045	627	60,00	
-	Hội Nông dân	1.304	782	60,00	
-	Hội Cựu Chiến Binh	603	362	60,00	
-	Hội chữ thập đỏ	794	345	43,45	
-	Các Hội có tính chất đặc thù	1.108	655	59,10	
+	Hội nạn nhân chất độc màu da cam	105	53	50,48	
+	Hội Người Mù	247	148	60,00	
+	Hội Khuyến Học	189	113	60,00	
+	Hội Luật gia	189	113	60,00	
+	Ban đại diện Hội Người cao tuổi	189	113	60,00	
+	Hội Chiến sĩ bị địch bắt tù đầy	189	113	60,00	
10.3	Quản lý Nhà nước (kể cả HĐND)	23.541	12.163	51,67	
-	Văn phòng HĐND và UBND	8.390	5.034	60,00	
+	Kinh phí tự chủ của Văn phòng HĐND và UBND	5.385	3.137	58,25	

STT	Chỉ tiêu	Dự toán chi giao đầu năm (kể cả bổ sung)	Thực hiện chi 6 tháng đầu năm 2025	Tỷ lệ % so với dự toán đầu năm	Ghi chú
+	Kinh phí hoạt động thường xuyên của HĐND và sinh hoạt phí của đại biểu HĐND thị xã.	1.264	758	60,00	
+	Kinh phí thường trực UBND thị xã	1.000	600	60,00	
+	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực ngành	210	126	60,00	
+	Kinh phí hoạt động của hợp theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	688	413	60,00	
-	Phòng Giáo dục và Đào tạo	1.775	1.065	60,00	
-	Phòng Nội vụ	1.276	766	60,03	
-	Phòng Tài chính - Kế hoạch	2.233	1.340	60,01	
-	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	1.146	688	60,03	
-	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	3.354	727	21,68	
-	Phòng Tư pháp	978	587	60,02	
-	Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin	1.234	740	59,97	
-	Thanh tra	1.047	628	59,98	
-	Phòng Dân tộc và Tôn giáo	746	448	60,05	
-	Kinh phí hỗ trợ cho các ngành tỉnh đóng tại địa phương	170	140	82,35	
+	Tòa án nhân dân	30	30	100,00	
+	Viện Kiểm Sát nhân dân	30	30	100,00	
+	Chi cục Thi hành án (bao gồm kinh phí hoạt động BCD thi hành án dân sự)	80	50	62,50	
+	Chi cục Thống kê	30	30	100,00	
10.4	Ứng dụng công nghệ thông tin	200	170	85,00	
10.5	Các khoản chi không tự chủ	7.880	5.798	73,58	
10.6	Cải cách hành chính	200	200	100,00	
12	Chi khác ngân sách	1.860	1.791	96,29	
13	Chi ngân sách cấp xã, phường	92.419	50.450	54,59	
III	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	13.140		0,00	
IV	Dự phòng	16.506	268	1,62	
V	Chi các chương trình mục tiêu	238.484	184.453		
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	83.106	45.393		

STT	Chỉ tiêu	Dự toán chi giao đầu năm (kể cả bổ sung)	Thực hiện chi 6 tháng đầu năm 2025	Tỷ lệ % so với dự toán đầu năm	Ghi chú
-	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (đối ứng từ nguồn xổ số kiến thiết)	8.063	4.838		
-	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương (vốn đầu tư phát triển)	4.767	2.860		
-	Kinh phí thực hiện mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (nguồn ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp)	1.340	804		
-	Kinh phí thực hiện mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (nguồn ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp)	1.962	1.177		
-	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS năm 2025 nguồn ngân sách TW (vốn đầu tư phát triển)	21.117	10.200		
-	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025 (vốn ngân sách tỉnh đối ứng) từ nguồn xổ số kiến thiết, đợt 2	737	442		
-	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới năm 2025 (vốn đối ứng ngân sách tỉnh, đợt 3)	45.000	25.000		
-	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới (vốn vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh (vốn đối ứng))	120	72		
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	155.378	139.060	89,50	
2.1	Bổ sung có mục tiêu từ nguồn xổ số kiến thiết	25.350	15.000	59,17	
-	Trường Tiểu học 1 Phường 2	4.000	3.500	87,50	
-	Trường Tiểu học 2 Phường 2	4.000	4.000	100,00	
-	Trường THCS Vĩnh Phước 1 (giai đoạn 2)	6.750	2.500	37,04	
-	Dự án Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ Chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022 - 2025 cho khối lớp 4, lớp 8	5.300	2.500	47,17	
-	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022 - 2025 cho khối lớp 5, lớp 9	5.300	2.500	47,17	
2.2	Bổ sung có mục tiêu từ nguồn kinh phí sự nghiệp của NSTW thực hiện nhiệm vụ	1.510	845	55,96	
-	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	350	250	71,43	

STT	Chỉ tiêu	Dự toán chi giao đầu năm (kể cả bổ sung)	Thực hiện chi 6 tháng đầu năm 2025	Tỷ lệ % so với dự toán đầu năm	Ghi chú
-	Kinh phí bảo vệ phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ	1.160	595	51,29	
2.3	Bổ sung có mục tiêu, nhiệm vụ	128.518	123.215		
-	Kinh phí tổ chức thăm hỏi đối tượng chính sách, đối tượng bảo trợ xã hội nhân dịp tết nguyên Đán Ất Ty năm 2025, kinh phí duy trì xã phường, thị trấn lành mạnh không phát sinh tệ nạn mại dâm, ma túy năm 2025	509	509		
-	Kinh phí để thực hiện công tác duy tu, nạo vét các kênh, sửa chữa các cống dưới đê thuộc cấp huyện, cấp xã quản lý theo phân cấp	8.300	4.985		
-	Kinh phí thực hiện Luật dân quân tự vệ	14.278	7.250		
-	Kinh phí hoạt động duy trì, cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015	165	83		
-	Kinh phí thực hiện xây mới, cải tạo, sửa chữa nhà ở đối với người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ theo Quyết định số 21/2021/QĐ-TTg ngày 22/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ	4.350	4.350		
-	Kinh phí thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ	27.479	3.500		
-	Bổ sung vốn đầu tư công năm 2025 (nguồn xổ số kiến thiết)	14.980	55.500		
-	Kinh phí thực hiện xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo	36.720	36.720		
-	Kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính Phủ	2.680	2.680		
-	Bổ sung vốn đầu tư công năm 2025 cho thị xã Vĩnh Châu (đợt 4)	14.970	5.700		
-	Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ, đợt II năm 2024 tỉnh Sóc Trăng	85	85		
-	Kinh phí thực hiện chế độ chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính Phủ	1.853	1.853		
-	Kinh phí hỗ trợ nghỉ việc đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ấp khóm	2.149	2.149		